

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y; Chuyên ngành: Dịch-Miễn dịch lâm sàng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Văn Đỉnh

2. Ngày tháng năm sinh: 16/7/1983; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Lãng Xuyên, Gia Tân, Gia Lộc, Hải Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 2316 Tòa G1, Sunshine Garden, Dương Văn Bé, Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Buu điện):

Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City, 458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0868228783; E-mail:

v.dinhnv6@vinmec.com hoặc drdinh.allergist@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 8, năm 2011 đến tháng 12 năm 2018: Giảng viên Trường Đại Học Y Hà Nội, Bộ môn Dự ứng-Miễn dịch lâm sàng

Từ tháng 1 năm 2019 đến nay: Bác sỹ chuyên Khoa Dự ứng-Miễn dịch Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City; Trưởng đơn nguyên Hồ hấp, Dự ứng-Miễn dịch Lâm sàng.

Từ 15/1/2021 đến nay: Trưởng Khoa Nội, Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City, Giám đốc dự án Trung tâm xuất sắc Dự ứng-Miễn dịch lâm sàng.

Chức vụ hiện nay: Trưởng Khoa Nội, Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Vinmec Times City; Giám đốc Dự án Trung tâm xuất sắc Dự ứng-Miễn dịch lâm sàng; Viện phó Viện Nghiên cứu Miễn dịch Vinmec- VinUni

Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Đa Khoa Quốc tế Vinmec Times City

Địa chỉ cơ quan: 458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02439743556

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

Trường Đại Học VinUni, Khối khoa học sức khỏe

Khoa Y, Trường Đại học Penn State, Hoa Kỳ

Đại Học Y Dược Hải Phòng

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 01 tháng 08 năm 2007; số văn bằng: A0058012; ngành: Y, chuyên ngành: Bác sỹ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại Học Y Hà Nội

- Được cấp bằng BSNT ngày 03 tháng 02 năm 2012; số văn bằng: C000976; ngành: Y; chuyên ngành: Dự ứng; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại Học Y Hà Nội

- Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 4 năm 2019; số văn bằng:; ngành: Y; chuyên ngành: Dự ứng-MDLS; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Sydney, Bang NSW, Australia

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại Học Y Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Ngành Y

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Dự ứng thuốc và các yếu tố nguy cơ di truyền
- Dự ứng da, đường thở và phản vệ
- Bệnh lý tự miễn và suy giảm miễn dịch

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS (Nguyễn Văn khiêm) bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 BSNT của Đại học VinUni (Nguyễn Hoàng Kim Hân, Trần Võ Thùy Nhi) 05 thạc sĩ (Trương Thị Mẫn, Nguyễn Thị Thanh Hòa, Hoàng Thị Giang, Nguyễn Thị Hoài Phương, Bùi Thị Thảo) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 06 đề tài. Trong đó 04 đề tài cấp cơ sở; tham gia 03 đề tài cấp Bộ
- Đã công bố (số lượng) 63 bài báo khoa học, trong đó 29 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín trong hệ thống ISI/SCOPUS
- Đã được cấp (số lượng) 00 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín; trong đó có 01 sách là chủ biên.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

1. Giải nghiên cứu xuất sắc nhất “The Best Paper Award” tại Hội nghị Dự ứng-Miễn dịch lâm sàng Châu Á Thái Bình Dương, Năm 2013 tại Đài Loan
2. Chair’s man Award của Tổ chức Học Mãi, Đại học Sydney cho những đóng góp và nghiên cứu khoa học
3. Giải ba “Đặng Văn Ngữ” Trường Đại Học Y Hà Nội, năm 2017 cho Giảng viên có công bố quốc tế trên tạp chí có IF cao.
4. Bài báo tốt nhất của năm trên tạp chí Dự ứng Châu Á Thái Bình Dương năm 2018
5. Giảng viên thỉnh giảng Trường ĐH Y Hà Nội được yêu thích năm 2019
6. Giải thưởng “APSR clinical allergy & Immunology Assembly Education Award” tại hội nghị Hô hấp Châu Á Thái Bình Dương lần thứ 24 năm 2019.
7. Giảng viên được bình chọn là giảng viên xuất sắc cho chương trình BSNT Nội tổng hợp của năm học 2020-2021 “Internal medicine residency program excellent teacher award academic year 2020-2021”.
8. Giải báo cáo viên xuất sắc nhất tại Hội nghị khoa học thường niên năm 2023 của Hội thập khớp học Việt Nam ngày 20/5/2023.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 9. Giải thưởng bài báo được download nhiều nhất trong 12 tháng bài báo được công bố trên tạp chí Allergy từ ngày 01/01/2022-31/12/2022.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Tôi nhận thấy bản thân đạt được các tiêu chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ của nhà giáo. Cụ thể:

- Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong giai đoạn bị kỉ luật dưới bất kì hình thức nào; trung thực khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

- Thời gian giảng dạy và đào tạo từ trình độ đại học trở lên đảm bảo theo tiêu chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 10 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2011-2012	0	0	0	0	262,8	80	342,8/342,8/280
2	2012-2013	0	0	0	2	259,2	80	339,2/369,2/280
3	2013-2014	0	0	0	0	286,2	83	369,2/369,2/280
4	2014-2015	0	0	0	2	0	0	0/12/280
5	2015-2016	0	0	0	0	0	0	0/0/280
6	2016-2017	0	0	0	0	0	0	0/0/280
7	2017-2018	0	0	0	0	0	0	0/0/280
8	2018-2019	0	0	0	1	50,4	0	50,4/59,4/280
9	2019-2020	0	0	2	0	0	26,3	0/26,3/175
10	2020-2021	0	0	0	0	0	302	302/302/100
03 năm học cuối								
11	2021-2022	0	0	1	0	0	604	604/654/100
12	2022-2023	0	0	1	0	40,5	211	251,5/286,5/100
13	2023-2024	1	0	2	0	50,1	42	92,1/349,1/100

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: Australia.; Từ năm 2014 đến năm 2018

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Australia năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học VinUniversity và Đại học Penn State, Hoa Kỳ

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Giảng chương trình Bác sĩ Đa Khoa tại VinUni, block MDTI, Giảng viên thỉnh giảng tại trường Đại học Penn State, Khoa Y.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 7.0

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trương Thị Mẫn		HVCH		x	9/2020-12/2020	Trường Đại học Dược Hà Nội	10/12/2020
2	Nguyễn Thị Thanh Hòa		HVCH		x	9/2020-3/2021	Trường Đại học Dược Hà Nội	11/06/2021
3	Hoàng Thị Giang		HVCH	x		02/2022-10/2022	Trường Đại học Y Hà Nội	16/01/2023
4	Nguyễn Thị Hoài Phương		HVCH		x	02/2022-10/2022	Trường Đại học Y tế Công Cộng	28/12/2022
5	Nguyễn Hoàng Kim Hân		BSNT	x		2022-2023	Trường Đại học VinUni	Chờ cấp bằng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6	Trần Võ Thùy Nhi		BSNT	x		2022-2023	Trường Đại học VinUni	Chờ cấp bằng
7	Nguyễn Văn Khiêm	NCS		x		12/2021-5/2024	Trường Đại học Y dược Hải Phòng	Chờ cấp bằng

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Hiểu biết mới về một số bệnh dị ứng và tự miễn	HD	Nhà xuất bản Y học, 2013	18	Tham gia	520-538	
2	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh về Dị ứng- Miễn dịch lâm sàng	HD	Nhà xuất bản Y học, 2014	26	Tham gia		Số 3942/QĐ-BYT
3	Sách giáo khoa Nhi Khoa	GT	Nhà xuất bản Y học, 2016	95	Tham gia	1562-1564	
II Sau khi được công nhận PGS/TS							
1	Bài giảng Dị ứng- Miễn dịch lâm sàng	GT	Nhà xuất bản Y học, 2022	11	Tham gia	144-157	Số 231/QĐ- ĐHYHN
2	Dị ứng- Miễn dịch lâm sàng tiếp cận từ ca bệnh	TK	Nhà xuất bản Y học, 2022	22	Chủ biên	19-20, 89-104, 148-233, 240-261, 452-463	Số 10/05/2023 145c/ QĐ-VUNI

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu bệnh dị ứng hay gặp và các yếu tố nguy cơ gây bệnh, những biến đổi hóa sinh, miễn dịch ở một số người bệnh dị ứng trong cộng đồng dân cư Hà Nội	Tham gia	quyết định số 199/SKH&CN-QLKH	2008-2010	2010 Xếp loại KQ: Tốt
2	Đánh giá hiệu quả phối hợp điều trị mày đay mạn tính với thuốc kháng Histamin H2	Tham gia	Quyết định số 1072/QĐ-SKH&CN	01/2011-06/2012	2013 Xếp loại KQ: Khá
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Khảo sát tần suất một số allen HLA lớp 1 trong cộng đồng người Kinh Việt Nam và nhóm bệnh nhân sử dụng allopurinol	Tham gia	2021-64-727/KQNC	2018-2021	Xếp loại KQ: Tốt
2	Đánh giá hiệu quả tư vấn của dược sỹ về việc tự quản lý hen của bệnh nhân tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	CN	Đề tài cơ sở	09/2020-04/2021	01/05/2021 Xếp loại KQ: Tốt
3	Giá trị lâm sàng của xét nghiệm kháng thể kháng nhân bằng phương pháp miễn dịch huỳnh quang gián tiếp trong chẩn đoán một số bệnh tự miễn	CN	Đề tài cơ sở	10/2021-10/2022	01/01/2022 Xếp loại KQ: Tốt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	hệ thống tại bệnh viện Vinmec Times City giai đoạn 2020-2022				
4	Kiến thức, thái độ, và mức độ tuân thủ thực hành của điều dưỡng với phản vệ tại bệnh viện.	CN	Đề tài cơ sở	02/2022-10/2022	02/11/2022 Xếp loại KQ: Tốt
5	Xây dựng quy trình xét nghiệm đánh giá dị ứng thuốc amoxicillin và thuốc giảm đau chống viêm NSAID nhóm ức chế Cox-1 bằng phương pháp hoạt hóa bạch cầu ưa baso	CN	Mã số 22.06 PRO Đề tài cơ sở Vinmec Quyết định số 29/2020/QĐ-VINMEC-VINMEC	04/2022-02/2024	22/02/2024 Xếp loại KQ: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Hướng nghiên cứu 1: Dị ứng thuốc và các yếu tố nguy cơ di truyền							
	Trước khi được công nhận TS							
1	Description of 3 cases in Vietnam of aspirin desensitization in patients with coronary artery disease and coexisting aspirin hypersensitivity. https://www.sciencedirect.com/sc	5	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	World Allergy Organization Journal ISSN: 1939-4551	ISI (SCIE), Scopus, IF 2012: 0.564, Q4	6	Tập 5(11), trang 170-173	11, 2012

	ience/article/pii/S1939455119303977							
2	HLA-B*1502 and carbamazepine-induced severe cutaneous adverse drug reactions in Vietnamese. https://synapse.koreamed.org/articles/1060896	7	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	Asia Pacific allergy ISSN: 2233-8268, 2233-8276	ISI (ESCI), Scopus, IF 2015: 0.00, Q3	109	Tập 5(2), trang 68-77.	04, 2015
3	Validation of a rapid test for HLA-B*58:01/57:01 allele screening to detect individuals at risk for drug-induced hypersensitivity. https://www.futuremedicine.com/doi/abs/10.2217/fpgs.15.185	5	Tác giả chính (First author)	Pharmacogenomics ISSN: 1462-2416, 1744-8042	ISI (SCIE), Scopus, IF 2016: 2.350, Q2	9	Tập 17(5), trang 473-480	04, 2016
4	Validation of a novel real-time PCR assay for detection of HLA-B*15:02 allele for prevention of carbamazepine-Induced Stevens-Johnson syndrome/Toxic Epidermal Necrolysis in individuals of Asian ancestry https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/	9	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	Human Immunology ISSN: 0198-8859, 1879-1166	ISI (SCIE), Scopus, IF 2016:2.311, Q2	12	Tập 77 (12) trang 1140-1146	12, 2016

	pii/S0198885916304190							
5	Validation of a Rapid, Robust, Inexpensive Screening Method for Detecting the HLA-B*58:01 Allele in the Prevention of Allopurinol-Induced Severe Cutaneous Adverse Reactions https://synapse.koreamed.org/articles/1052704	6	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	Allergy, Asthma & Immunology Research ISSN: 2092-7355, 2092-7363	ISI (SCIE) Scopus, Q2 IF 2017:3.809	14	Tập 9(1), trang 79-84	01, 2017
6	A novel multiplex polymerase chain reaction assay for detection of both HLA-A*31:01/HLA-B*15:02 alleles, which confer susceptibility to carbamazepine-induced severe cutaneous adverse reactions https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1111/tan.13143	7	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	HLA: Immune Response Genetics ISSN: 2059-2302, 2059-2310	Scopus, ISI (SCIE), IF 2017=2.558, Q3	13	Tập 90(6), trang 335-342	12, 2017
7	Tình hình dị ứng thuốc trên địa bàn Hà Nội năm 2008	3		Tạp chí y học thực hành- ISSN: 1859-1663			Số 3(651), trang 3-6	2009
8	Đặc điểm dị ứng thuốc trên nhóm người bệnh cao tuổi điều trị tại	3		Tạp chí y học lâm sàng – ISSN: 1859-3593			Số 61, trang 47-53	04, 2011

	khoa Dị ứng- Miễn dịch lâm sàng, Bệnh viện Bạch Mai (1998- 2006)						
9	Giảm mẫn cảm nhanh với thuốc gây dị ứng: Nhân trường hợp giảm mẫn cảm thành công với Aspirin ở bệnh nhân đặt stent động mạch vành tại trung tâm Dị ứng-Miễn dịch lâm sàng bệnh viện Bạch Mai	3	Tác giả chính (First author)	Tạp chí nội khoa Việt Nam – ISSN: 0868-3190		Số đặc biệt, trang 240-246	07, 2011
10	Dị ứng vaccin: Cập nhật chẩn đoán và điều trị	1	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	Tạp chí y học lâm sàng- ISSN: 1859- 3593		Số 65, trang 8- 15	04, 2012
11	Nhân một trường hợp giảm mẫn cảm với aspirin thành công trên bệnh nhân phình mạch não	5	Tác giả chính (First author)	Tạp chí y học lâm sàng- ISSN: 1859- 3593		Số 70, trang 14-18	04, 2013
12	Khảo sát liên quan giữa HLA B*5801 và nguy cơ mắc các phản ứng dị ứng nặng do điều trị Allopurinol tại Bệnh viện Bạch Mai, Hà Nội	10		Tạp chí y học dự phòng- ISSN: 0868-2836		Tập XXV, số 8(168), trang 396-400	2015
13	Khảo sát mối liên quan giữa HLA - B 15:02 và phản ứng da nặng do Carbamazepine bằng kỹ thuật PCR-SSP sử	10		Tạp chí y học thực hành- ISSN: 1859- 1663		Số 12 (1029), trang 2- 5	2016

	dụng các cấp mỗi đặc hiệu							
Sau khi được công nhận TS								
14	Developing pharmacogenetic screening methods for an emergent country: Vietnam https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S1939455119306660	4	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	World Allergy Organization Journal ISSN: 1939-4551	ISI (SCIE), Scopus, IF 2019: 3.506, Q1	10	Tập 12(5), trang 1-10	2019
15	Human leukocyte antigen-associated severe cutaneous adverse drug reactions: from bedside to bench and beyond https://synapse.koreamed.org/articles/1130205	4	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	Asia Pacific Allergy ISSN: 22338268, 2233-8276	ISI (ESCI), Scopus, IF 2019: 0.326, Q3	14	Tập 9(3), e20, trang 1-24	07, 2019
16	Drug-induced severe cutaneous adverse reactions: Determine the cause and prevention https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S1081120619305800	4		Annals of Allergy, Asthma & Immunology ISSN: 10811206, 1534-4436	Scopus, IF 2019: 4.969, Q2	34	Tập 123(5), trang 483-487	11, 2019
17	Successful management of severe diabetic ketoacidosis in a patient with type 2 diabetes with	15		BMC Endocrine Disorders ISSN: 1472-6823	ISI (SCIE), Scopus, IF 2019: 0.853, Q2	2	Tập 19:1 21, trang 1-6	11, 2019

	insulin allergy: a case report https://bmcendocrdisord.biomedcentral.com/articles/10.1186/s12902-019-0451-7							
18	Gene expression profiling in allopurinol-induced severe cutaneous adverse reactions in Vietnamese. https://www.futuremedicine.com/doi/abs/10.2217/fgs-2020-0014	12	Tác giả chính (First author)	Pharmacogenomics ISSN: 1462-2416, 1744-8042	ISI (SCIE), Scopus, IF 2020: 3.55, Q3	7	Tập 21(14), trang 985-994	09, 2020
19	Genetic susceptibilities and prediction modeling of carbamazepine and allopurinol-induced severe cutaneous adverse reactions in Vietnamese https://www.futuremedicine.com/doi/abs/10.2217/fgs-2019-0146	15	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	Pharmacogenomics ISSN: 1462-2416, 1744-8042	ISI (SCIE), Scopus, IF 2020: 3.55, Q3	15	Tập 2(14), trang 1-12	12, 2020
20	Review on Databases and Bioinformatic Approaches on Pharmacogenomics of Adverse Drug Reactions https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC7812041/	6		Pharmacogenomics and Personalized Medicine ISSN: 1178-7066	ISI (SCIE) Scopus, IF 2022: 2.606, Q3	12	Tập 14, trang 61-75	1, 2021

21	A Novel Allele-Specific PCR Protocol for the Detection of the HLA-C*03:02 Allele, a Pharmacogenetic Marker, in Vietnamese Kinh People https://www.tandfonline.com/doi/full/10.2147/TACG.S278652	8		The application of clinical genetics ISSN: 1178-704X	ESCI, IF 2022:0.508, Q2	2	Tập 14, trang 27-35	
22	A novel nested allele-specific PCR protocol for the detection of the HLA-A*33:03, a SCAR-associated allele, in Vietnamese people https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/33865300/	9		Asian Pacific Journal of Allergy and Immunology ISSN: 2228-8694	ISI (SCIE), Scopus, IF 2021: 7.143, Q1		Tập AP-201120-1000	04, 2021
23	Utility of skin testing in assessment of post-AZD1222 vaccine (AstraZeneca) allergic reactions: case series in Vietnam https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC8563096/	8	Tác giả chính (Corresponding author)	Asia Pacific allergy ISSN: 2233-8268	ISI (ESCI), Scopus, IF 2021: 0.179, Q4	3	Tập 11(4): e40, trang 1-6	10, 2021
24	Allopurinol-induced severe cutaneous adverse reactions in Vietnamese: the	7	Tác giả chính (Corresponding author)	Pharmacogenomics ISSN: 1462-2416, 1744-8042	ISI (SCIE), Scopus,	6	Tập 23, 5, trang 303-313	02, 2022 Bù cho hưởng

	role of HLA alleles and other risk factors https://www.futurerecognition.com/doi/abs/10.2217/pts-2021-0156				IF 2022:2.8, Q2			dẫn chính 01 cao học/BS NT/CKI I
25	The utility of surrogate markers in predicting HLA alleles associated with adverse drug reactions in Vietnamese https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/31421661/	6	Tác giả chính (First author)	Asian Pacific Journal of Allergy and Immunology ISSN: 2228-8694	ISI (SCIE), Scopus, IF 2022: 7.143, Q2	4	Tập 40(2), trang 134-141	06, 2022
26	Cost-effectiveness of HLA-B*58:01 testing to prevent Stevens-Johnson Syndrome/Toxic Epidermal Necrolysis in Vietnam https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/37706247/	5		Pharmacogenomics ISSN: 1462-2416	ISI (SCIE), Scopus, IF 2.1	1	Tập 24(13), trang 713-724	09, 2023
27	Overlapping Stevens-Johnson Syndrome and DRESS Syndrome Caused by Phenobarbital: A Vietnamese Case Report https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/38073663/	8	Tác giả chính (Corresponding author)	Global Pediatric Health ISSN: 2333-794X	ISI (ESCI), Scopus, IF 2022:1.4, Q2		Tập 10, trang 1-9	11, 2023

28	Pembrolizumab-induced Stevens-Johnson syndrome/Toxic Epidermal Necrolysis in a Vietnamese patient with nonsmall-cell lung Cancer https://journals.lww.com/apallergy/fulltext/9900/pembrolizumab-induced_stevens-johnson.40.aspx	9	Tác giả chính (Corresponding author)	Asia Pacific Allergy ISSN: 22338268, 2233-8276	ISI (ESCI), Scopus, IF 2022: 1.48, Q4			11, 2023
29	Lựa chọn kháng sinh cho bệnh nhân có tiền sử dị ứng: Chúng ta cần làm gì?	5	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	Tạp chí y học lâm sàng – ISSN: 1859-3593			Số 129, trang 12-23	11, 2022
30	Mẫn cảm chéo và phản ứng da liên quan tới thuốc chống động kinh có vòng thơm	4		Tạp chí nhi khoa- ISSN: 1859-3860			Tập 16, số 1, trang 21-26	02, 2023
31	Đặc điểm lâm sàng của phản ứng da liên quan đến thuốc chống động kinh ở trẻ em	3	Tác giả chính (corresponding author)	Tạp chí y học Việt Nam – ISSN: 1859-1868			Số đặc biệt- tập 527, trang 48-55	06, 2023
32	Mối liên quan giữa HLA-B*15:02 và HLA-A* 31:01 với các phản ứng da do thuốc chống động kinh ở trẻ em Việt Nam	3	Tác giả chính (Corresponding author)	Tạp chí y học Việt Nam – ISSN: 1859-1868			Số đặc biệt- tập 527, Trang 140-146	06, 2023

II		Hướng nghiên cứu 2: Dị ứng da, đường thở và Phản vệ						
		Trước khi được công nhận TS						
33	Một số đặc điểm dịch tễ học người mắc hen trên địa bàn Hà Nội và những yếu tố nguy cơ gây hen	3		Tạp chí y học thực hành- ISSN: 1859-1663			Số 12 (634), trang 79-83	2008
34	Tình hình mắc bệnh dị ứng trong cộng đồng dân cư Hà Nội	3		Tạp chí y học thực hành- ISSN: 1859-1663			Số 1 (642), trang 52-55	2009
35	Nghiên cứu một số đặc điểm người bệnh viêm mũi dị ứng trên địa bàn Hà Nội	3		Tạp chí y học thực hành- ISSN: 1859-1663		2	Số 2(645), trang 97-100	2009
36	Tình hình mắc bệnh mày đay, phù Quincke trong cộng đồng dân cư Hà Nội năm 2008	3		Tạp chí y học thực hành- ISSN: 1859-1663			Số 6 (664), trang 24-26	2009
37	Nghiên cứu hội chứng hồng ban nút tại Khoa Dị ứng-Miễn dịch lâm sàng bệnh viện Bạch Mai năm 1998-2007	2		Tạp chí y học thực hành- ISSN: 1859-1663			Số 8 (670), trang 113-116	2009
38	Đánh giá hiệu quả của Phụ bì kháng trong hỗ trợ điều trị bệnh mày đay	4		Tạp chí y học thực hành- ISSN: 1859-1663			Số 3 (708), trang 17-19	2010
39	Khảo sát tình hình điều trị và kiểm soát hen phế quản ở trẻ em Việt Nam	2		Tạp chí y học lâm sàng- ISSN: 1859-3593			Số 63, trang 32-35	11, 2011
40	Theo dõi các biến đổi hóa sinh, miễn dịch,	5		Tạp chí y học thực hành – ISSN: 1859-1663			Số 4(817),	04, 2012

	huyết học ở người mắc bệnh mày đay mạn tính						trang 112-114	
41	Đặc điểm lâm sàng và chức năng thông khí phổi của hen phế quản ở người trưởng thành Việt Nam	4		Tạp chí y học lâm sàng- ISSN: 1859-3593			Số 65, trang 40-45	04, 2012
42	Một số đặc điểm dịch tế học của hen phế quản ở người trưởng thành Việt Nam	4		Tạp chí y học lâm sàng- ISSN: 1859-3593			Số 65, trang 46-50	04, 2012
43	Dị ứng thức ăn và các triệu chứng hô hấp: Dấu hiệu có thể gây nhầm lẫn	3		Tạp chí y học lâm sàng- ISSN: 1859-3593			Số 70, trang 9-13	04, 2013
44	Hen phế quản do tôm nướng	3		Tạp chí y học lâm sàng- ISSN: 1859-3593			Số 70, trang 25-28	04, 2013
45	Tình hình kiểm soát hen phế quản ở Việt nam	4		Tạp chí y học lâm sàng- ISSN: 1859-3593			Số 70, trang 64-69	04, 2013
46	Tình hình sử dụng thuốc và theo dõi điều trị hen phế quản ở Việt Nam	4		Tạp chí y học lâm sàng- ISSN: 1859-3593			Số 70, trang 70-74	04, 2013
Sau khi được công nhận TS								
47	The international WAO/EAACI guideline for the management of hereditary angioedema-The 2021 revision and update https://onlinelibrary.wiley.com/d	59		Allergy ISSN: 1398-9995	ISI (SCIE), IF 2022: 14.710, Q1	159	Tập 77, 7, trang 1961-1990	01, 2022

	oi/full/10.1111/all.15214							
48	The international WAO/EAACI guideline for the management of hereditary angioedema-The 2021 revision and update https://www.worldallergyorganizationjournal.org/article/S1939-4551(22)00003-5/fulltext	59		WAO journal (world Allergy Organization Journal) ISSN: 0021-8820	ISI (SCIE), SCOPUS, IF 2022 5.516, Q1	300	Tập 15, trang 1-39	03, 2022
49	Epidemiology, Management, and Treatment Access of Hereditary Angioedema in the Asia Pacific Region: Outcomes from an International Survey https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S2213219822013344	15		The journal of allergy and clinical immunology: In practice ISSN: 2213-2198	ISI (SCIE), IF 2023: 11.022, Q1	11	Tập 11(4), trang 1253-1260	04, 2023
50	Analysis of questionnaire survey to determine worldwide trends in prescriptions of biologics for the treatment of unresponsive chronic urticarial https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/38235261/	17		World Allergy Organization Journal ISSN 1939-4551	ISI (SCIE), Scopus, IF 2022: 5.1, Q2		Tập 17(01), trang 1-8	01, 2024

51	The Definition, Acronyms, Nomenclature, and Classification of Angioedema: AAAAI, ACAAI, ACARE, and APAACI DANCE Consensus https://www.jaci-online.org/article/S0091-6749(24)00407-X/abstract	93		The Journal of Allergy and Clinical Immunology ISSN 0091-6749 / 1097-6825	ISI (SCIE), Scopus, IF 2022: 14.2, Q1	online	04, 2024
52	Tổng kết các báo cáo liên quan đến phản vệ trong cơ sở dữ liệu báo cáo tự nguyện Việt Nam giai đoạn 2010-2019	8		Tạp chí y học Việt Nam- ISSN: 1859-1868		Số 2, tập 496, trang 323-328	11, 2020
53	Đánh giá sự hiểu biết và kỹ thuật dùng thuốc hít của bệnh nhân hen tại bệnh viện Vinmec Times City	6		Tạp chí y học Việt Nam – ISSN: 1859-1868		Tập 500, số 2, trang 178-184	03, 2021
54	Kiến thức, thái độ và mức độ tuân thủ thực hành của Điều dưỡng với phản vệ tại Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Times City	2	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	Tạp chí nhi khoa – ISSN: 1859-3860		Tập 16, số 1, trang 55-62	02, 2023
55	Mối liên quan giữa hội chứng ngừng thở khi ngủ tắc nghẽn và Hội chứng chuyển hóa tại	3	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	Tạp chí y học Việt Nam- ISSN: 1859-1868		Tập 527, số 1B, trang 64-68	06, 2023

	Bệnh viện Vinmec Times City							
56	Hiệu quả từ can thiệp giáo dục sức khỏe tới kiến thức thái độ thực hành về kiểm soát hen của người bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times city năm 2023	3	Tác giả chính (Corresponding author)	Tạp chí nhi khoa – ISSN: 1859-3860			Tập 17- Số 2, Trang 49-54	04, 2024
III	Hướng nghiên cứu 3: Bệnh lý tự miễn và suy giảm miễn dịch							
	Trước khi được công nhận TS							
57	Hiệu quả mycophenolate mofetil điều trị viêm gan tự miễn: nhân một trường hợp lâm sàng	3		Tạp chí nội khoa Việt Nam – ISSN: 0868-3190			Số đặc biệt Trang 433-434	07, 2011
58	Một số tự kháng thể thường gặp trong bệnh hệ thống	2	Tác giả chính (First author)	Tạp chí y học lâm sàng- ISSN: 1859-3593			Số 70, trang 29-36	04, 2013
	Sau khi được công nhận TS							
59	Stiff Person Syndrome: A Case Report with Sudden Onset and Coexistence of Sero- Positive Antibodies to Glutamic Acid Decarboxylase and Anti-SOX1 Antibodies https://karger.com/crn/article/14/2/237/822691	5	Tác giả chính (Corresponding author)	Case reports in Neurology ISSN: 1662-680X	ISI (ESCI), Scopus, IF 2022:0.26 3, Q4	3	Tập 14(2), trang 237-244	05, 2022

60	Autosomal recessive hyper-IgE syndrome due to DOCK8 deficiency: An adjunctive role for omalizumab https://onlinelibrary.wiley.com/doi/full/10.1002/cia2.12273	9	Tác giả chính (Corresponding author)	Journal of Cutaneous Immunology and Allergy ISSN: 2574-4593	ISI(ESCI), Scopus, IF 2022: 0.311, Q3	1	Tập 5(6), trang 222-226	07, 2022
61	Thyroid disease post-COVID-19 infection: Report of a case with new-onset autoimmune thyroid disease https://journals.lww.com/apallergy/Fulltext/2023/03000/Thyroid_disease_post_COVID_19_infection_Report_of.9.aspx	3	Tác giả chính (Corresponding author)	Asia Pacific Allergy ISSN: 2233-8268	ISI (ESCI), Scopus, IF 2023:1.7, Q4		Tập 13 (1), trang 54-56	03, 2023
62	Mối liên quan giữa kiểu lắng đọng kháng thể kháng nhân trên miễn dịch huỳnh quang gián tiếp và sự lưu hành các kháng thể đặc hiệu trong các bệnh lý tự miễn hệ thống thường gặp	5	Tác giả chính (First author, Corresponding author)	Tạp chí y học Việt Nam- ISSN: 1859-1868			Tập 527, số 1B, trang 200-204	06, 2023
63	Tổn thương niêm mạc đa cơ quan trong hội chứng Behcet báo cáo trường hợp bệnh	3	Tác giả chính (Corresponding author)	Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN: 1859-1868			Tập 534, số 1B, trang 395-401	01, 2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **20** bài (**07** bài báo UV đồng thời là corresponding

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
author và first author: số TT 14, 15, 19, 29, 54, 55, 62; 02 bài báo UV là first author: số TT
18, 25; **11** bài báo UV là corresponding author: số TT 23, 24, 27, 28, 31, 32, 56, 59, 60, 61,
63

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 00 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Hoàng Thị Giang, HVCH chuyên ngành Điều dưỡng, ĐHY Hà Nội

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Allopurinol-induced severe cutaneous adverse reactions in Vietnamese: the role of HLA alleles and other risk factors https://www.futuremedicine.com/doi/abs/10.2217/pgs-2021-0156	7 (Ứng viên là Tác giả chính - Corresponding author)	Pharmacogenomics ISSN: 1462-2416, 1744-8042	ISI (SCIE), Scopus, IF 2022:2.8, Q2	6	Tập 23, 5, trang 303-313	02, 2022

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



NGUYỄN VĂN ĐÌNH